

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU ĐỨC  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2017

“V/v Ly hôn giữa anh Q  
và chị T”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Hạnh.
2. Ông Bùi Huy Xuân.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 442/2016/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1988.

HKTT: Tổ 0, thôn 0, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 0 ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ 0, thôn 0, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Anh Q, chị T vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Q trình bày:*

Sau khi tìm hiểu nhau được 03 năm thì anh Q và chị T mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 7

năm 2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn thì anh Q lên thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn còn chị T và con chung sống với gia đình anh Q tại thôn 0, xã B, huyện C. Trước khi anh Q và chị T quyết định tổ chức lễ cưới thì giữa hai bên đã xảy ra mâu thuẫn nhưng vì đã có con chung nên vợ chồng cố gắng chung sống vì con. Tuy nhiên, sau khi kết hôn thì mâu thuẫn vợ chồng lại tiếp tục phát sinh, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ và thường xuyên cãi vã nhau. Đến năm 2013, chị T dẫn theo con chung về nhà mẹ ruột để sinh sống và vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Nay, anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Anh Q xin được ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Anh Q và chị T có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 23-4-2012. Trước đây anh Q có nguyện vọng xin được quyền nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nhưng nay do điều kiện đi làm ăn xa hơn nữa cháu H hiện đang sống với chị T nên anh Q đồng ý để chị T được nuôi dưỡng cháu H; Anh Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T, trình bày:*

Chị T thống nhất với trình bày của anh Q về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung. Sau khi kết hôn thì chị T và con gái sống chung với gia đình anh Q tại thôn 0, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu còn anh Q làm ăn, sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian này giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T không có công ăn việc làm, anh Q lại đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà nên giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, tình cảm cũng không còn. Đến năm 2013 thì chị T và con về nhà mẹ ruột để sinh sống và vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian đầu thì anh Q còn đến thăm con và vợ chồng cũng tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng sau đó thì anh Q không đến thăm con và cũng không cấp dưỡng nuôi con chung. Nay, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của anh Q. Riêng về con chung thì chị T xin được quyền nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 23-4-2012 cho chị T được quyền nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Anh Q không yêu cầu nên không giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh Q và chị T sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay anh Q yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của chị T là xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Q vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Q và chị T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 7 năm 2012 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, giữa vợ chồng không có sự tôn trọng, chia sẻ trong cuộc sống. Anh Q và chị T cũng ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Q và chị T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Q được ly hôn với chị T.

[3] Về nuôi con chung: Anh Q và chị T có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 23-4-2012. Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Q và chị T tranh chấp về quyền nuôi con chung. Nay, anh Q đồng ý để chị T được quyền nuôi dưỡng cháu H nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh Q đồng ý giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung: Anh Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Q phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc Q và chị Nguyễn Thị Kim T.

2.Về nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 23-4-2012 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc Q phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) mà anh Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0001486 ngày 19 tháng 12 năm 2016; Anh Nguyễn Ngọc Q đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Lê Thị Thanh Nga**